

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 01 - 2025

V/v: "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hoè

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2024/QĐ-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số /2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thủy T; sinh năm: 1996; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Đức A; sinh năm: 1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; hiện đang trú tại: Số C đường U, thành phố S, thủ đô M, Liên bang N, vắng mặt.

Thân nhân của anh Hoàng Đức A: Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1964 và bà Hà Thị G (là bố mẹ đẻ của anh Hoàng Đức A); địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà C đường M, phường T, quận T, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, Bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thủy T và anh Hoàng Đức A xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 09/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vào tháng 5 năm 2017 anh Đức A xuất khẩu lao động tại Nga, từ khi anh đi, vợ chồng thỉnh thoảng vẫn liên lạc nhưng luôn tranh cãi nhau. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thiếu sự thông cảm và tin tưởng lẫn nhau về tình

cảm lẫn kinh tế. Tình trạng này diễn ra kéo dài, mặc dù vợ chồng cố gắng dàn xếp để bỏ qua những thiếu sót của nhau nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và chán ghét nhau. Chị T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T và anh A có 02 đứa con chung là Hoàng Bùi Quỳnh T1, sinh ngày 24/7/2015 và Hoàng Bùi Anh T2, sinh ngày 19/7/2017, hiện tại đang sống với bà Bùi Thị H1 (bà ngoại). Chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai đứa và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Hoàng Đức A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Hoàng Đức A nhưng không có kết quả. Đồng thời, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thông báo cho anh Hoàng Đức A biết các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Bùi Thị Thủy T và anh Hoàng Đức A qua kênh phát thanh dành cho người nước ngoài của Đ (VOV5) theo quy định pháp luật.

Thân nhân của bị đơn là ông Hoàng Trọng H và bà Hà Thị G là bố mẹ đẻ của anh Đức A trình bày: Anh Hoàng Đức A hiện đang ở Liên bang N, địa chỉ cụ thể thì ông bà không rõ. Về việc chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh A thì ông bà biết do anh A đã trình bày với bà, anh A cũng đồng ý việc ly hôn với chị T. Đối với cháu Hoàng Bùi Quỳnh T1 và Hoàng Bùi Anh T2 hiện tại đang sống với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị Thủy T được ly hôn anh Hoàng Đức A; Về con chung: Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Hoàng Bùi Quỳnh T1 và cháu Hoàng Bùi Anh T2. Hiện chị tiên đang ở nước ngoài nên tạm giao hai cháu cho bà Bùi Thị H1 là bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: không có, không có ai yêu cầu gì, nên không xem xét; đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo thông tin do Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thì anh Hoàng Đức A, sinh ngày 02/12/1992; Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh

Quảng Bình; Căn cước công dân số: 044092012183 đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 12/6/2022 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam hơn nữa theo bà Bùi Thị H1 (mẹ đẻ chị T) thì hiện tại chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản chưa về nước nên vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị Thủy T có đơn xin xử vắng mặt, anh A vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh A, ông H bà G và bà H1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy anh Đức A và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn trình bày vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh A. Anh A không có bản tự khai nhưng ông H và bà G là bố mẹ anh A trình bày anh A có biết việc chị T xin ly hôn, anh A đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T để xử cho chị T được ly hôn với anh A là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Có 02 đứa con chung là Hoàng Bùi Quỳnh T1, sinh ngày 24/7/2015 và Hoàng Bùi Anh T2, sinh ngày 19/7/2017, hiện tại đang sống với bà Bùi Thị H1 (bà ngoại). Chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai đứa và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay hai con chung của anh A với chị T đang ở với bà Bùi Thị H1 (mẹ đẻ chị T) và chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con, hai cháu Hoàng Bùi Quỳnh T1 và Hoàng Bùi Anh T2 có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện tại chị T đang ở nước ngoài nên tạm giao hai con chung cho bà Bùi Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không có ai yêu cầu gì nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Về lệ phí và chi phí tố tụng: chị T phải chịu 1.500.000 đồng lệ phí đăng thông tin trên Ban đối ngoại VOV5 Đ (đã nộp đủ tại Tòa án);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị Thủy T được ly hôn anh Hoàng Đức A

2. *Về quan hệ con chung*: Giao 02 đứa con chung là Hoàng Bùi Quỳnh T1, sinh ngày 24/7/2015 và Hoàng Bùi Anh T2, sinh ngày 19/7/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện tại chị T đang ở nước ngoài nên tạm thời trước mắt giao hai con chung cho bà Bùi Thị H1 (bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi nào chị T về Việt Nam bà Bùi Thị H1 có trách nhiệm giao hai con chung lại cho chị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không xem xét

4. *Về án phí, lệ phí*:

- *Án phí*: Chị Bùi Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0004845 ngày 20/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- *Lệ phí và chi phí tố tụng*: Chị Bùi Thị Thủy T phải chịu 1.500.000 đồng lệ phí đăng tin VOV5 Đ (chị T đã nộp đủ tại Tòa án).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, chị Bùi Thị Thủy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh Hoàng Đức A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Võ Ninh, h Quảng Ninh;
- Lưu toà DS, HSVA, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn